TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1524/2019/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 18 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1992/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Bà Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: phường T, Quận C, Tp Hồ Chí Minh.

+ Ông Âu Ngọc M, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Nguyễn Thị Bảo T và Ông Âu Ngọc M thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bảo T và Ông Âu Ngọc M thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bảo T và Ông Âu Ngọc M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Bà Nguyễn Thị Bảo T và Ông Âu Ngọc M khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Bảo T và Ông Âu Ngọc M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) được tính trừ vào lệ phí đã nộp theo biên lai số 0000530 ngày 10/9/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADS TP. B;
- UBND P. nơi ĐKKH
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Phương Hảo